

## NHỮNG QUY ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ LÀNG XÃ NHẬT BẢN THỜI CẬN THẾ

BÙI BÍCH VÂN\*

**B**ước sang thời Cận thế (1543 - 1868) bao trùm xã hội Nhật Bản vẫn là một bức tranh mâu xám của các cuộc nội chiến, cát cứ xảy ra liên miên từ thời kỳ trước đó. Hiện trạng này không chỉ làm "điều đứng" các giai tầng mà còn gây trở ngại lớn cho sự phát triển xã hội. Chính vì lẽ đó, mong muốn hoà bình thống nhất đất nước là nhu cầu bức thiết nhất của của các tầng lớp xã hội đương thời. Tuy nhiên, phải bước sang thế kỷ XVII Nhật Bản mới đi đến được cái đích này và người kế tục cuối cùng hoàn thành sứ mạng lịch sử lớn lao đó là Tokugawa Ieyasu (1542 - 1616). Năm 1603, ông được Thiên hoàng phong chức hiệu Tướng quân cũng đồng nghĩa với việc hoàn thành quá trình thống nhất đất nước, đưa Nhật Bản bước vào thời kỳ hoà bình và phát triển kéo dài hơn hai thế kỷ sau đó.

Trong bối cảnh như vậy, làng xã Nhật Bản là phần không thể tách rời nếu như không muốn nói là "mảnh ghép" quan trọng bậc nhất trong bức tranh toàn cảnh của xã hội đương thời. Cho dù những biến thiên của lịch sử có thể tác động không nhỏ tới sự vận hành của làng xã song nhìn chung dưới thời phong kiến, ngôi làng Nhật Bản vẫn giữ được một trong những đặc điểm lớn nhất đó là tính cố định. Sở dĩ nói như vậy bởi ngoài sự gia tăng tự nhiên thì sự biến động của dân số nhìn chung không lớn. Mặt khác, tính chất cố

định của làng được hình thành bởi sự phong toả (hay đóng kín) và bài trừ bên ngoài. Điều đó xuất phát từ yêu cầu bức thiết phải tự vệ chống lại sự xâm chiếm của các lực lượng bên ngoài khi có chiến tranh, nội chiến hoặc tình hình xã hội bất an, không ổn định. Như thế, tính cố định của làng xã càng được củng cố vững chắc hơn trong thời bình bởi chúng được tổ chức, quản lý chặt chẽ trên cơ sở tăng cường mạnh mẽ tính cộng đồng mà "sợi dây" gắn kết chúng là những quy định mà người dân làng xã phải tuân theo.

Do điều kiện tự nhiên, lịch sử xã hội đã hình thành, tồn tại chế độ lãnh chúa phong kiến ở Nhật Bản mà hầu hết làng xã nằm trong lãnh địa, thuộc quyền cai quản của lãnh chúa. Tuy nhiên, ngoài những luật lệ của chính quyền lãnh chúa chi phối thì việc quản lý làng xã vẫn được vận hành khá hoàn hảo bởi những quy định luôn nhận được sự đồng tâm nhất trí của người dân làng xã đương thời. Chính vì lẽ đó, thời Cận thế dù trải qua loạn chiến, cát cứ đến hoà bình, thống nhất song không thể phủ nhận những quy định trong quản lý làng xã là một trong những tác nhân thúc đẩy sự phát triển của làng xã dưới chế độ phong kiến đương thời. Với tinh thần nhằm bảo vệ quyền lợi và đề cao tính tự trị, tự quản, tính chất đóng kín bền chắc của cộng đồng làng xã nên những quy định trong quản lý xã rất phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong phạm vi của một bài

\*Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

viết chỉ có thể nêu ra những vấn đề quan trọng nhất mà thôi.

### 1. Về sản xuất nông nghiệp

Đối với sản xuất nông nghiệp thì đất đai là một trong những yếu tố cốt yếu, chính vì vậy mà những quy định liên quan tới đối tượng này là vô cùng quan trọng. Với ruộng đất phân chia, sau 15 năm sẽ phân chia lại như tập quán của nhiều làng. Đặc biệt, ở vùng có địa hình quá phức tạp, nhìn chung có quy định không phân chia. Tuy nhiên, những quy định về chặt cây cối đã cho bóng mát ở vùng đất đang canh tác lại có rất nhiều. Bên cạnh đó, còn có những quy định rất chi tiết về khoảng cách giữa các ruộng nương, vườn trong phạm vi được chặt. Ở những địa phương thiếu đất canh tác (chủ yếu là đồi núi), sản xuất lương thực không đủ nên nhu cầu khai khẩn đất hoang là lý do chính đáng được chấp thuận nhưng cấm lấy đường sá biến thành ruộng đất của mình.

Cùng với đất đai, việc sử dụng nước đã trở thành một yếu tố vô cùng quan trọng của nông nghiệp bởi chúng có quan hệ khăng khít và phụ thuộc phần lớn vào mối quan hệ cộng đồng cùng sử dụng. Trong việc xây dựng sửa chữa các công trình sử dụng nước đều có quy định phương pháp, hình thức phụ trách lao động công ích, kinh phí, hình thức lao động, phương pháp quản lý sau khi công trình xây dựng xong. Bên cạnh đó, việc quản lý, sửa chữa khi sử dụng nước (có tính thường xuyên) đã có quy định bảo vệ bờ biển, lợi dụng để cải tạo lại các con sông cũ (vốn đã từng sử dụng), cần trọng duy trì chiều dài các hệ thống sử dụng nước. Đồng thời cấm làm đập ngăn (sông, suối, hệ thống dẫn nước) ở những địa điểm đã được thông báo, chỉ định trước. Cùng với những quy định yêu cầu cần thiết là phải có sự quyết tâm và tự giác của toàn thể dân làng. Tiếp đó, đi đôi với sử dụng nguồn nước hợp lý thì phương pháp phân phối bình đẳng được xem như một

quy định tối quan trọng. Theo đó là việc đình chỉ những hành động sử dụng nước quá lãng phí hoặc cấm chỉ những việc làm gây tai họa cho lãnh địa, làng xã khác khi sử dụng nước bất hợp lý vv...

Những quy định đối với lao động chủ yếu liên quan đến thời gian canh tác sản xuất và nghỉ ngơi (ngày nghỉ). Những ngày nghỉ trong năm được quy định rõ ràng, ví như hàng tháng vào ngày 15, ngày lễ (nếu có) thì được nghỉ. Mùa xuân được nghỉ 3 ngày. Sau khi trồng cây, vào mùa hạ được nghỉ 3 ngày. Ngăn chặn việc đi xướng những ngày nghỉ ngoài những ngày nghỉ chung theo quy định. Cấm xin nghỉ tự ý theo ý định của cá nhân đồng thời khống chế những ngày nghỉ đột xuất, ngày thường không được đi chơi, nếu vi phạm sẽ bị phạt tiền hoặc gạo. Quy định như vậy nhằm ngăn chặn đến mức thấp nhất sự giảm sút lực lượng lao động. Tuy nhiên, yêu cầu, vui chơi của dân làng trong các dịp khác là một nhu cầu nhưng cần ngăn ngừa những tệ nạn và chi phí quá nhiều bởi phong tục tập quán trong những ngày nghỉ của nông dân. Những quy định về yêu cầu phải cố gắng hết sức trong các công việc lao động khác cũng có rất nhiều và ngày càng hoàn thiện hơn.

### 2. Về an ninh trật tự

Nhằm bảo đảm an toàn tài sản, tính mạng của dân làng, đồng thời duy trì trật tự xã hội ở nông thôn thì yêu cầu phải bắt giữ, vạch trần tội phạm. Như vậy, cần quản lý những người từ nơi khác đến làng, kẻ lang thang nhằm ngăn chặn những phát sinh có thể xảy ra. Rõ ràng, việc quản lý này với mục đích duy trì an ninh, trật tự ở xã hội nông thôn đương thời tuy còn mang tính chất cô lập song cũng là điều cần thiết. Và lại, việc phải trấn áp tội phạm có thể gây ra trong làng cho nên những điều khoản quy định phải quản lý đối với dân làng nói chung có rất nhiều.

Việc quản lý người từ nơi khác đến được tiến hành dựa vào chính sách cứng rắn của

chính quyền và chủ lãnh địa kết hợp với nhiều quy định của làng xã về quản lý kẻ vô lại, người lang thang. Trước hết là quy định phải loại trừ, đề phòng với những người từ nơi khác đến và cùng với đó là việc quản lý chặt chẽ những đối tượng như: trộm cắp hoa màu, sơn tặc... đang sinh sống trong làng. Tuy nhiên, có quy định cấm chỉ việc khám xét, bắt giữ những người từ nơi khác đến làng lần đầu nhưng phải đề phòng với những người đến làng từ lần thứ hai bằng hình thức điều tra, dò xét. Quy định bắt và tìm kiếm những kẻ cướp có mang theo những vật cướp được đồng thời đề phòng những người mang theo hành lý có nhiều nghi vấn.

Nếu có sự xuất hiện của người không quen biết ai trong làng thì cấm được ngủ ở nhà người khác. Trường hợp có người lạ đột tử thì các công việc liên quan đến ma chay, trách nhiệm thuộc về người cho trú trọ. Dù cho người lạ nghỉ một đêm cũng phải báo cáo những người có chức vụ trong làng đồng thời tra hỏi cặn kẽ lý lịch của người đó.

Việc đề phòng như vậy cùng khá nhiều quy định khác đối với người từ nơi khác đến là nhằm ngăn chặn tội phạm có thể xảy ra từ những người xa qua đó thể hiện sự tự trị của làng xã được đề cao.

Trên thực tế, có nhiều quy định việc kiểm soát, quản lý liên quan đến sự nhập cư của người làng khác. Nói chung, dân làng luôn có thái độ thận trọng, đề phòng mang nặng tính tự vệ. Sự nhập cư của người làng khác cho dù chỉ là cư trú tạm thời cũng vấp phải sự bài loại của bản thân các làng bởi tính chất cố định, đóng kín rất vững chắc của xã hội nông thôn đương thời. Thậm chí, những người vào làng thuê nhà sẽ bị đuổi đi theo lệnh của các chức sắc trong làng. Nhà nào cho thuê sẽ bị xây tường rào xung quanh, quét sơn màu ngôi nhà đó, sau đó phạt gia chủ tiền hoặc hiện vật, tài sản và phong toả ngôi nhà đó trong một thời gian.

Việc quản lý con người không chỉ hạn chế sự nhập cư của người nơi khác mà còn giới hạn việc du ngoạn, kiếm việc làm nơi khác của dân làng. Những hành động này được xem là gây tổn hại cho nông nghiệp nên có quy định cấm. Hơn nữa, sẽ huỷ bỏ trách nhiệm của làng đối với những người rời làng ra đi. Những quy định cấm việc đi khỏi làng được giải thích với lý do xuất phát từ việc giữ gìn an ninh, trật tự.

Sơn tặc (chặt trộm cây, phá rừng), bọn phá hoại ruộng đất, trộm cắp hoa màu đều có ở các làng, do đó, việc quy định các biện pháp trừng phạt là đương nhiên. Người ta còn thiết lập chế độ trạm gác đặt trên đường nhằm vào các đối tượng trên hoặc trạm gác tuần tra lưu động ban đêm.

Liên quan đến giữ gìn nếp sống sinh hoạt ở làng xã cũng có nhiều quy định mặc dù không can thiệp một cách cực đoan, đó là những khiển trách đối với lối sống sa đoạ hoặc đình chỉ việc đi chơi đêm. Có quy định: dù có đi chơi đêm thì ban ngày phải có mặt ở nhà. Quy định cũng khiển trách những người đi lại trong làng vào đêm khuya với những mục đích không rõ ràng. Cấm ngủ qua đêm ở bên ngoài nhà người khác trong làng, người nào ngồi lâu ở nhà người khác cũng sẽ bị báo với người thân, gia đình của họ.

Như vậy, việc quản lý nếp sống sinh hoạt của dân làng không thể không áp dụng đối với giới trẻ. Trước hết đó là quy định về quản lý các cuộc ngồi lâu tranh luận, cãi cọ huyên não suốt đêm của giới trẻ. Tiếp đó là quản lý những thói hư, tật xấu của bạn bè giới trẻ thậm chí cả sự bất nháo trong trường hợp bên ngoài lễ cưới xin. Qua đó, cần ngăn cản sự phát triển lan rộng việc nghỉ ngơi không làm việc của giới trẻ bởi điều đó có thể dẫn đến những tệ hại xảy ra trong hành động chưa chín chắn của họ.

Phòng chống và tránh được tai họa, tai nạn cũng góp phần bảo đảm an ninh, trật tự

đối với mỗi làng. Chẳng hạn, việc phòng hoả, cứu hoả hoàn toàn do tự lực của dân làng. Do vậy, quy định nghĩa vụ phải dập lửa của dân làng khi có hoả hoạn đồng thời yêu cầu sự hợp lực để giải quyết việc này. Ví dụ, quy định phải chuẩn bị túc trực 25 thanh niên và 40 thùng nước để dùng vào việc dập lửa. Phân tởn thất, thiệt hại sẽ dựa vào sự kiểm tra của các chức sắc trong làng trong thời gian nhanh nhất, sau đó cả làng sẽ phải cùng đóng góp, bổ sung cho những thiệt hại đó. Có những quy định cụ thể về dụng cụ dập lửa, về sự đóng góp tiền, nguyên vật liệu để phục vụ cho hoạt động cứu hoả và phải tìm ra nguyên nhân sau tai hoạ.

Trường hợp chỉ có một ngôi nhà bị cháy mà gia chủ không có khả năng xây dựng lại thì quyết định cho những người đang cư trú nơi có hoả hoạn phải đóng góp chi phí xây dựng cho họ. Ngoài ra còn có những quy định chi tiết phải luôn quan tâm, chú ý đến sự kết hợp giữa sự trợ giúp tai hoạ và bồi thường thiệt hại. Mặt khác, quy định về việc viện trợ, giúp đỡ khi có hoả hoạn ở làng bên cũng rất được quan tâm, chú ý.

Để tránh tai hoạ thì các công việc đắp đất, trồng cây ven sông, suối để phòng chống lũ lụt là một biện pháp rất quan trọng phải tiến hành của dân làng và đó là công việc thường xuyên phải thực hiện. Như vậy, phải tập trung sức lực của toàn thể dân làng mới tránh được những hậu quả của thiên tai, lũ lụt gây ra. Vấn đề đó được quy định là nghĩa vụ phòng chống lũ lụt của dân làng. Ngược lại, người không tham gia vào các công việc này sẽ bị phạt bằng hình thức phải chịu phí tổn xây dựng bằng công sức vận chuyển của 3 người.

### **3. Sự hợp tác cộng đồng**

Các quy định về lao động công ích có liên quan đến đất đai, rừng núi như: kè đắp sông suối làm thuỷ lợi, tu bổ, xây dựng đường sá vv... Ngoài ra, còn quy định việc sử dụng nhân công vận chuyển trong các công việc

khác. Căn cứ vào thân phận, vị trí xã hội mà những quy định có tính chất phân biệt rất rõ trong đảm nhiệm công việc lao động và nộp tiền. Căn cứ đó còn để phân bổ cho mỗi hộ số người phải thực hiện các công việc khác như tu sửa, xây dựng đền, chùa, dọn tuyết, lấy củi, gỗ vv... Liên quan đến việc sử dụng nhân công vận chuyển làm các công việc như: đào giếng, kè đắp cửa sông, suối.vv... Nông dân, ngoài việc một năm hai lần làm việc tại những nơi của lãnh chúa còn phải làm việc những lúc cần phải huy động nhân công vận chuyển tạm thời trong những công việc đột xuất. Ngoài ra, còn quy định lao động công ích phục vụ các công việc nghi lễ công cộng, mỗi người 3 ngày trong một năm. Với những gia đình cực khổ, với người làm nghề cúng bái, thuyền trưởng đánh cá... sẽ căn cứ vào tính chất công việc, nghề nghiệp để có thể miễn giảm những công việc này.

Trách nhiệm với lao động công ích hầu hết chia theo các hộ và giới hạn tuổi của những người không phải thực hiện công việc vận chuyển là từ 50 - 60 tuổi đó là những lớp tuổi không còn phù hợp với công việc này. Về thực chất, lao động công ích là lao động nghĩa vụ. Tuy nhiên, nghĩa vụ cung cấp lao động cho các công việc công dù là bắt buộc nhưng cũng có trường hợp được thưởng công. Chẳng hạn: có làng thưởng thêm gạo cho mỗi người khi làm công việc liên quan đến kiến trúc, xây dựng.

Về thái độ lao động đã có quy định phải đạt được năng suất và sự phục vụ nghiêm chỉnh. Với những người không tham gia hoặc không phục tùng sự chỉ đạo của nhóm trưởng, chủ lãnh địa, chức sắc trong làng sẽ bị phạt tiền. Việc xây dựng, làm đường nếu ai không tham gia (trong nghĩa vụ) sẽ bị phạt tiền hoặc gạo vì tội lười biếng.

Thật ra, để có thể quản lý làng xã, ngoài các yếu tố khác, không thể không đề cập đến phạm trù đạo đức bởi đó là một "mắt xích"

quan trọng trong hệ thống làng xã đương thời. Thật vậy, những quy định liên quan đến đạo đức có thể thấy rất nhiều, qua đó thể hiện khá rõ năng lực tinh thần trong nông nghiệp. Đó là biểu hiện của những nghi lễ, phép tắc, sự thân thiện, hoà hảo của mọi người trong gia đình. Từ đó là nền tảng của sự hoà hợp cộng đồng trong làng. Bởi lẽ, chính sự hợp tác cộng đồng đã trở thành yếu tố cốt kết vô cùng vững chắc, kiên cố của làng. Tại đây, đạo đức được đặc biệt nhấn mạnh ở sự hợp tác cộng đồng trong làng xã. Hơn nữa, tính cộng đồng đó được kết hợp và phát triển một cách tự nhiên, đồng thời được thúc đẩy bởi giáo lý Nho giáo, Phật giáo về sự thân thiện, hoà hảo, cần cù, siêng năng. Tất cả đã tạo ra tinh thần hợp tác cộng đồng rất mạnh và cho thấy được sức mạnh cố kết trong cộng đồng làng xã. Theo đó, trật tự thang bậc xã hội, gia đình, họ hàng cũng được quy định rất rõ, không được vi phạm. Chẳng hạn: quy định sẽ trừng phạt người nào cãi lại bố mẹ. Có thể những quy định trừng phạt như vậy hầu hết có tính ngoại lệ song nhìn chung các quy định mang tính đạo đức, qua đó tạo nên sức mạnh về sự tồn tại và phát triển của làng xã trong lịch sử.

#### **4. Tính tự trị của làng xã**

Những tổ chức với tư cách là nơi hội họp của dân làng đã xuất hiện từ thời Trung thế (1192 - 1542) và được nâng lên cấp độ cao hơn ở thời Cận thế. Hợp làng đã trở thành nơi thống nhất, tiêu chuẩn hoá ý thức xã hội trong các làng xã và là cơ quan duy nhất quyết định ý thức tổng hợp của dân làng. Thời kỳ Edo (1600 - 1868), nhiều quy định bằng văn bản được quyết định dựa trên những tổ chức của chính quyền quân sự của

tầng lớp Samurai thường gọi là Mạc Phủ. Song thực chất, các cuộc họp làng không hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh, ý chỉ của chính quyền mà còn bao hàm tính riêng biệt thể hiện qua những tổ chức mang tính tự trị của làng xã.

Thời gian họp làng, địa điểm, số người... tùy theo từng địa phương, khu vực nên có thể là định kỳ hoặc lâm thời. Các cuộc họp làng có tính định kỳ nhìn chung được tiến hành 2 lần trong năm và theo quy định người được dự họp là chủ hộ. Với tư cách hỗ trợ cho chính quyền làng xã thì những cuộc họp làng đưa ra quyết định nhiệm vụ được uỷ thác trong năm đối với những người có trọng trách với làng xã. Việc này tiến hành thông qua bỏ phiếu và như thế nông dân là người quyết định kết quả cuối cùng. Thực ra, tầng lớp tiểu nông không được dự các cuộc họp để tính toán, chi phí của làng, song để xác nhận việc này, ngày hôm sau người ta tổ chức một cuộc họp khác để mọi người cùng thống nhất trong một văn bản.

Nhằm duy trì sự tự trị của làng xã, các cuộc họp làng sẽ là nơi đưa ra quyết định mọi việc và một trong các hình thức được sử dụng là phương pháp bỏ phiếu. Một trong những quyết định trong họp làng là đưa ra hình thức trừng phạt và vạch trần sai lầm, tội ác của bất kỳ ai vi phạm tội trong, hay ngoài làng. Ngoài ra, họp làng còn để đấu tranh, phản kháng với bên ngoài và cũng ở đây, vấn đề về việc điều chỉnh quy định, quy ước, luật lệ được đưa ra căn cứ vào thái độ, hành động của dân làng trong hợp tác đấu tranh, phản kháng. Hơn nữa, với tư cách quản lý mang tính tự trị của làng, thì đóng tiền, nộp thuế ngày càng trở thành một trong những vấn đề chủ yếu nhất của họp làng. Và lại, thời kỳ thu thuế không dựa vào mệnh lệnh của chủ lãnh địa mà phụ thuộc vào quy định ở mỗi địa phương, thậm chí theo mỗi làng. Bởi vậy,

không chỉ với thuế nông nghiệp hàng năm mà còn có những quy định chi tiết, tỉ mỉ với những người chặm nộp một phần thuế khoa khác. Như vậy, có thể nói những quy định trong quản lý làng xã được hình thành từ hợp làng để rồi sau đó dường như chính các quy định này được hợp làng giám sát như với tư cách của một cơ quan quản lý chính quyền tự trị làng xã đương thời.

### 5. Kết luận

Những quy định bước đầu trong quản lý làng xã đã được trải nghiệm trong thực tế để rồi đương nhiên được thừa nhận trong luật lệ của làng xã Nhật Bản. Và, cùng với sự phát triển xã hội, nhiều quy định ngày càng chi tiết, cụ thể hơn trong nhiều lĩnh vực liên quan tới các giai tầng, giới tính, tuổi tác, địa vị vv... Giai đoạn hoà bình, ổn định khá dài ở thời Cận thế khiến cho chính quyền và lãnh chúa phong kiến chi phối làng xã bằng hệ thống tổ chức hành chính nhất quán song về cơ bản những quy định đó cũng đã có được vị trí vững chắc ở nông thôn. Vì thế tính tự trị của làng xã không mất đi mà trái lại sự quản lý làng xã vẫn được vận hành bởi sự dung hoà, kết hợp uyển chuyển với chính sách của các lãnh chúa phong kiến mà thôi.

Tính chủ thể của làng còn cho thấy sự thống nhất về ý thức tập thể, cộng đồng rõ nét và dù những quy định có thu nhận một số yếu tố, điều kiện ngoài song về cơ bản vẫn bao hàm tính chất đóng kín, tự vệ, tự trị của làng xã. Bên cạnh đó, một đặc điểm nổi bật trong quản lý xã đó là những quy định dựa trên sự bàn bạc, nhất trí chung của dân làng. Đồng thời căn cứ vào ý kiến của người dân để hình thành những quy định có tính chất tự chủ, độc lập của làng. Sự nhất trí trong hợp làng không chỉ có quy định về nghĩa vụ, quyền lợi của cá nhân mà còn đề ra phương cách hợp tác cộng đồng thể hiện rất rõ trong đấu tranh, giữ gìn an ninh, trật tự. Ngoài ra còn bao hàm cả trong kiến trúc, lâm nghiệp,

ngư nghiệp và các công việc liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

Thời kỳ xã hội bất ổn định, qua những quy định cho thấy tính chất tự vệ của làng xã nảy sinh như một nhu cầu bức thiết. Do đó, trong quan hệ đối với làng xã khác, tính chất bài trừ thể hiện rõ nét ở sự phong toả, đóng kín của mỗi làng. Quản lý làng xã được đóng khung trong nội bộ mỗi làng là sự duy trì trật tự, vận hành bằng quy định, luật lệ của riêng mình.

Trong thời kỳ ổn định, cùng với sự phát triển xã hội thì quy định trong quản lý làng xã cũng ít nhiều biến đổi theo. Theo đó, tính chất phong toả của làng cũng đã bị phá vỡ ở một mức độ nào đó không còn giới hạn trong một làng mà phải mở rộng trong một khu vực, nhiều địa phương. Nhìn chung, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội thì sự rạn nứt tính phong toả, cố định của làng càng thấy rõ hơn và như vậy tính chất tự chủ, độc lập của các quy định trong quản lý làng xã đến một lúc nào đó có thể bị tan vỡ bởi sự sụp đổ tính phong toả ở các làng. Hơn nữa, làng xã Nhật Bản thời Cận thế với những quy định trong quản lý tất sẽ phải nhường chỗ cho những quy định mới trong một hình thức quản lý mới phù hợp với trang sử mới của thời Cận đại (1868 - 1945).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Edwin O. Reischauer “*Nhật Bản quá khứ và hiện tại*”, Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, Nxb Khoa học xã hội, 1994.
2. George Sansom, “*Lịch sử Nhật Bản*”, tập II, III Nxb KHXH, Hà Nội, 1994 - 1995.
3. G.B.Sansom, “*Lược sử Văn hoá Nhật Bản*”, tập I, II, Nxb KHXH, Hà Nội, 1989 - 1990.
4. Vĩnh Sính, “*Nhật Bản Cận đại*”, Nxb Văn hoá Tùng Thư, 1990.